



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

MỤC LỤC

Phần I:

THÔNG TIN CHUNG

Phần II:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Phần III:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần IV:

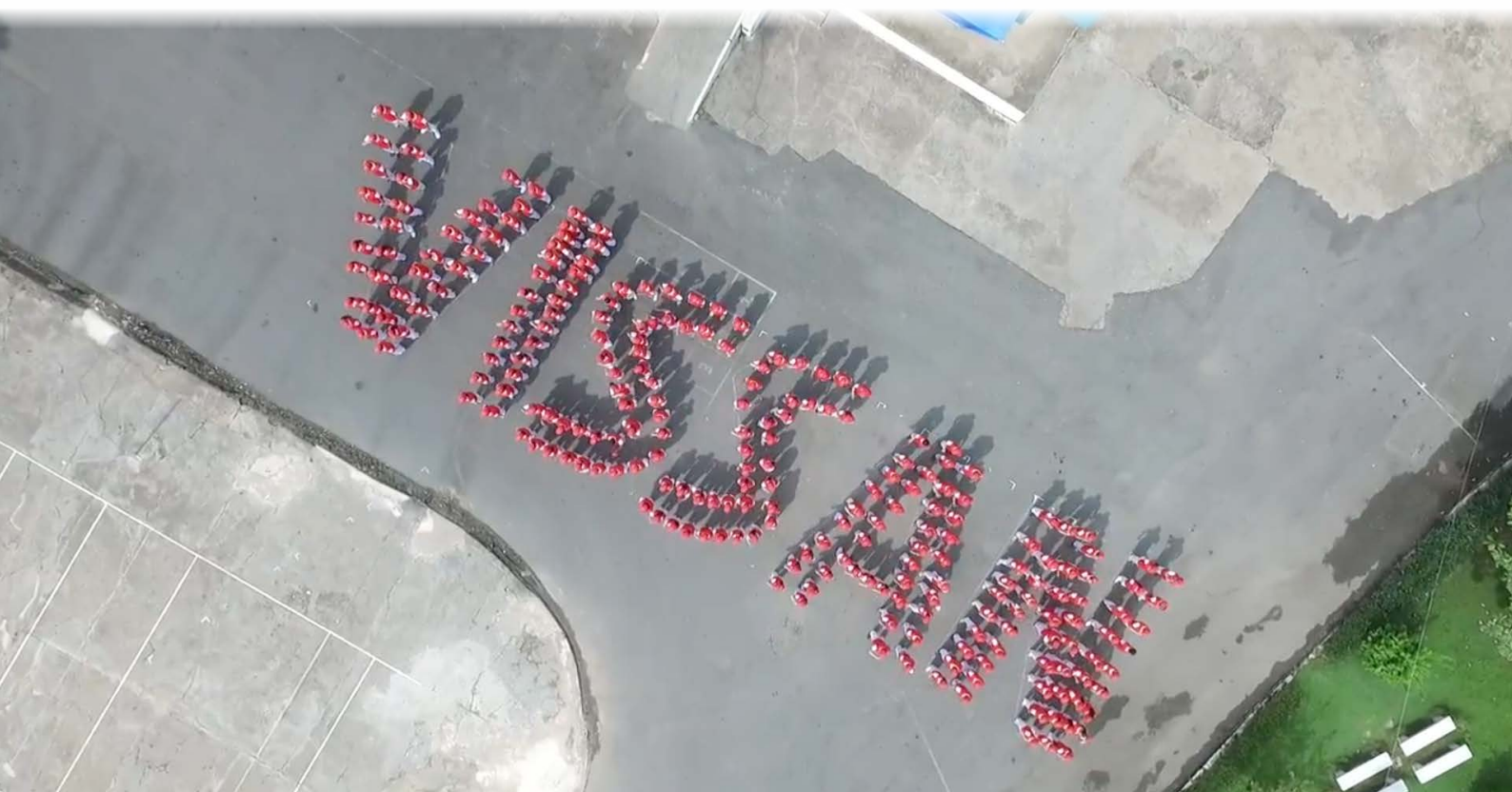
**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Phần V:

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần VI:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Hiện nay, VISSAN là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành thực phẩm của cả nước, lĩnh vực hoạt động chuyên về sản xuất kinh doanh thịt tươi sống, đông lạnh và thực phẩm chế biến từ thịt.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 20/4/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn điều lệ: 809.143.000.000 đồng
- Địa chỉ: 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (028) 3553 3999/ 3553 3888
- Số fax: (028) 3553 3939
- Website: www.vissan.com.vn
- Mã cổ phiếu: VSN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản tiên thân là một doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH một thành viên (SATRA), được thành lập vào ngày 20/11/1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18/05/1974. Ngày 01/07/2016, VISSAN chính thức chuyển từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 809.143.000.000 đồng sau gần 46 năm thành lập và phát triển.

20/11/1970

- Khởi công xây dựng “Lò sát sinh Tân Tiến Đô Thành”. Đây là cột mốc lịch sử đặt nền tảng đầu tiên cho ngành công nghiệp giết mổ gia súc tại Việt Nam

18/05/1974

- Nhà máy được khánh thành và chuyên về giết mổ gia súc.

Năm 1980

- Tham gia thị trường xuất khẩu thịt heo đông lạnh theo Nghị định thư sang Liên Xô và thị trường Đông Âu. Giai đoạn 1980 – 1995, VISSAN là một trong những đơn vị có kim ngạch xuất khẩu lớn của cả nước.

Sau 1975

- Đổi tên thành Công ty Thực Phẩm I

16/11/1989

- Đổi tên thành Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản - VISSAN

Năm 1990

- Công ty đầu tư một hệ thống chế biến hàng cao cấp theo công nghệ của Pháp với máy móc và thiết bị hiện đại, có vốn đầu tư 2,7 triệu đô la Mỹ với công suất khoảng 5000 tấn/năm (1994)

Năm 1995

- Trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH MTV

Năm 1997

- Công ty phát triển nhiều dòng sản phẩm mới, lên đến khoảng 200 sản phẩm

Năm 2000

- Tổ chức lại hệ thống kênh phân phối thông qua các siêu thị, cửa hàng tiện dụng và xây dựng hệ thống phân phối cửa hàng giới thiệu sản phẩm

11/10/2006

- Chuyển sang mô hình Công ty TNHH MTV

04/12/2014

- UBND TPHCM quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) thuộc Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH MTV theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND

07/03/2016

- Tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

28/05/2016

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập

01/07/2016

- Được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận đăng ký DN số 0300105356, với vốn điều lệ 809.143.000.000 đồng

04/08/2016

- Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng

04/10/2016

- Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chứng khoán số 114/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu là 80.914.300 cổ phiếu

11/10/2016

- Công ty được Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu

21/10/2016

- Ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Hiện Tại

- Công ty tiếp tục phát triển; luôn không ngừng vươn lên, cũng như đi đầu trong các ngành nghề kinh doanh chủ đạo



NHỮNG GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT

CÁC DANH HIỆU, BẰNG KHEN CẤP NHÀ NƯỚC

- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
- Cờ thi đua Chính phủ.
- Cờ thi đua xuất sắc của Thành phố.
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Bằng khen của UBND TP HCM.
- Huân chương lao động I, II, III.
- Một số bằng khen khác về việc thực hiện tốt công tác do các cơ quan bộ ngành phát động.



CÁC DANH HIỆU, BẰNG KHEN TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH

- Bảng xếp hạng V1000 - Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VISSAN xếp vị trí thứ 300).
- Liên tục 22 năm liên tiếp được Người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao” (từ năm 1997 đến nay) do Tạp chí Sài Gòn Tiếp thị tổ chức.
- Top 200 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do chương trình Liên Hợp Quốc (UNDP) công bố.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam về doanh thu theo mô hình Fortune 500 do chương trình VNR500 bình chọn.
- Giải thưởng “Doanh nghiệp TP;HCM tiêu biểu” do UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hàng năm.
- Giải thưởng “Doanh nhân TP;HCM tiêu biểu” do UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hàng năm.
- Top 10 Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” do Hội Doanh nhân Trẻ VN tổ chức.
- Top 10 Giải thưởng “Thương hiệu mạnh” do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.
- Giải thưởng “Top 100 sản phẩm thực phẩm do người tiêu dùng bình chọn”.
- Cúp vàng Topten Sản phẩm / Dịch vụ uy tín chất lượng do Hội Sở Hữu Công Nghiệp Saigonnew, Trung tâm Net QVN Mạng Thương Hiệu Việt tổ chức bình chọn tại Website www.thuonghieuviet.com;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” do Sở Tài nguyên Môi Trường – Báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức.



CÁC DANH HIỆU, BẰNG KHEN TRONG NĂM 2018

- Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn.
- Danh hiệu VNR500-Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Danh hiệu Doanh nghiệp và Doanh nhân Tp.HCM tiêu biểu do Ủy Ban Nhân Dân thành phố công nhận.
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2018.
- Giải thưởng Thương Hiệu Quốc Gia năm 2018 cùng nhiều giải thưởng, bằng khen do Chính phủ, bộ, ngành trao tặng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thịt heo, bò, thịt gia cầm tươi sống và đông lạnh.
- Sản phẩm thịt nguội cao cấp theo công nghệ của Pháp, sản phẩm Xúc xích tiết trùng theo công nghệ của Nhật Bản.
- Sản phẩm chế biến theo truyền thống Việt Nam, sản phẩm đóng hộp.
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc và kinh doanh heo giống, heo thịt.
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng khác

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

- Thực phẩm tươi sống: Thịt heo, Thịt bò, Thịt gà ..
- Thực phẩm chế biến, mặt hàng khô: Xúc xích tiết trùng, Lạp xưởng, Đồ hộp, ...
- Thực phẩm chế biến – mát đông lạnh: Hàng đông lạnh, Thịt nguội, Giò các loại...



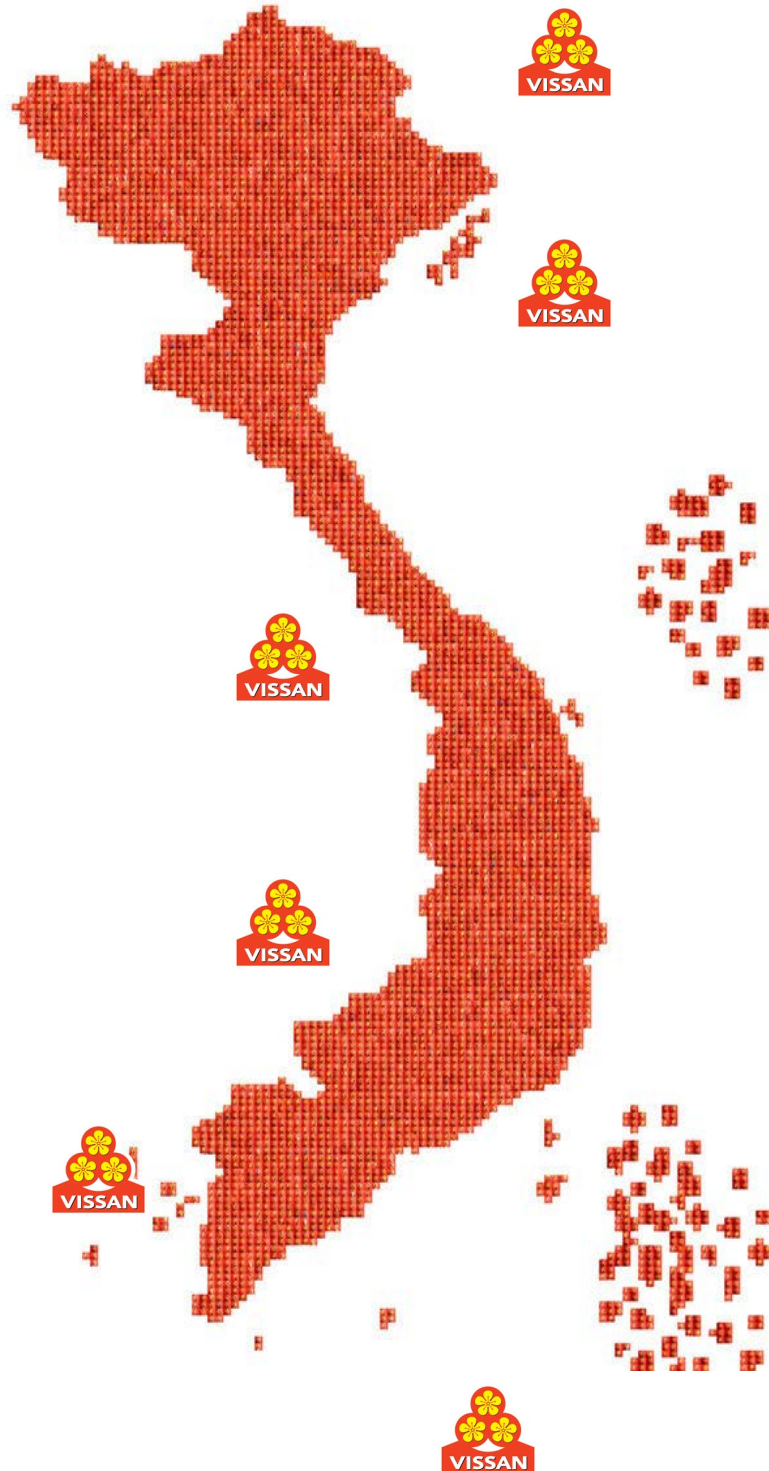
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty chủ yếu kinh doanh tại thị trường trong nước, với mạng lưới hệ thống bao gồm:

- 01 Chi nhánh tại Hà Nội phụ trách thị trường khu vực phía Bắc.
- 01 Siêu thị và văn phòng tại Đà Nẵng phụ trách thị trường khu vực miền Trung.
- 01 Chi nhánh tại Bình Dương và Văn phòng chính tại TPHCM phụ trách thị trường khu vực phía Nam.
- 01 Văn phòng đại diện tại Campuchia.

Đồng thời, sản phẩm VISSAN hiện đã có mặt tại hơn 132 nhà phân phối, 130 đại lý và hơn 130.000 điểm bán trên khắp cả nước :

- Miền Nam (TPHCM, Kiên Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Khánh Hòa, Phú Yên).
- Miền Trung (Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định).
- Miền Bắc (Hà Nội, Thái Nguyên, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn La, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Ninh Bình, Vinh, Nghệ An, Hà Tĩnh).

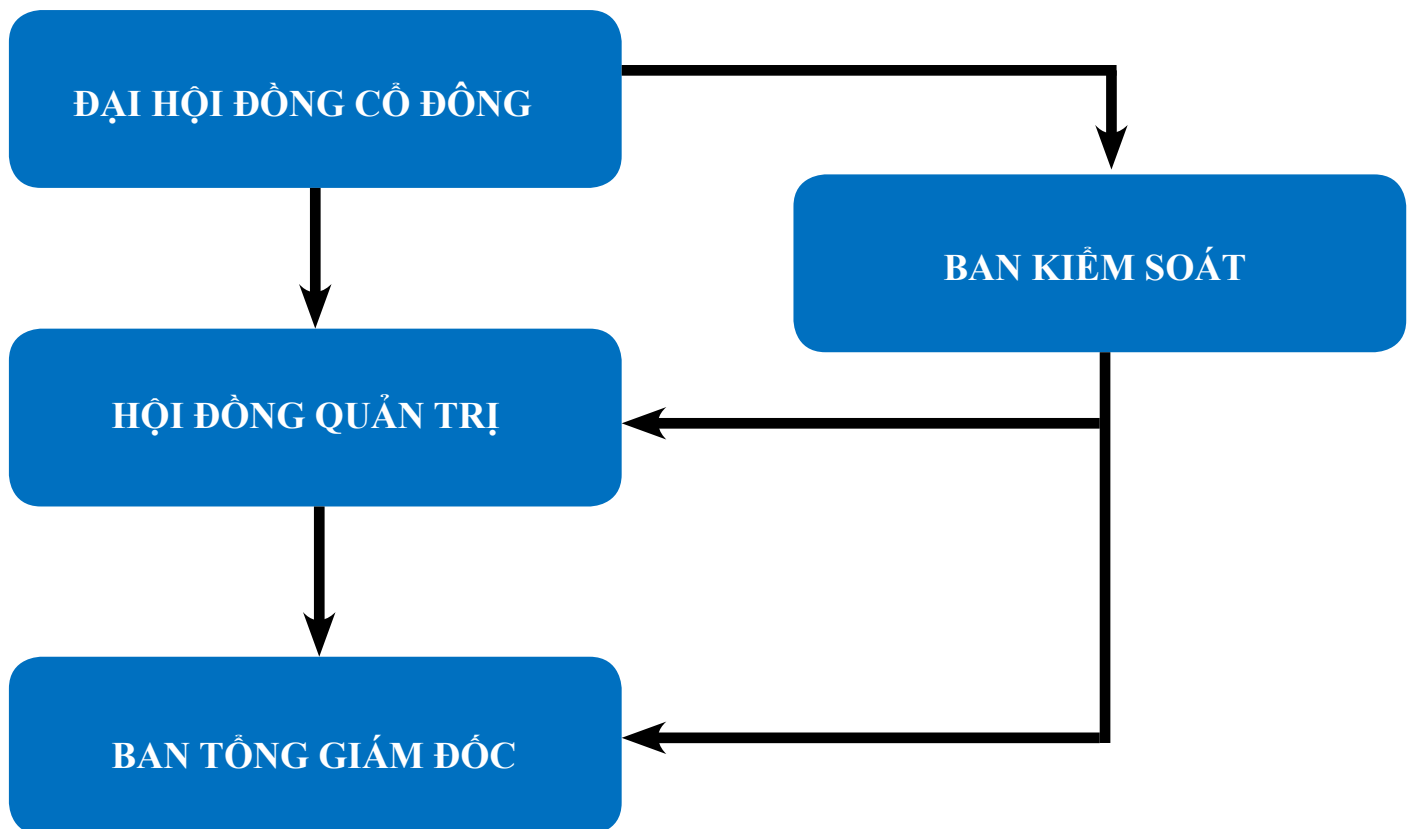




THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

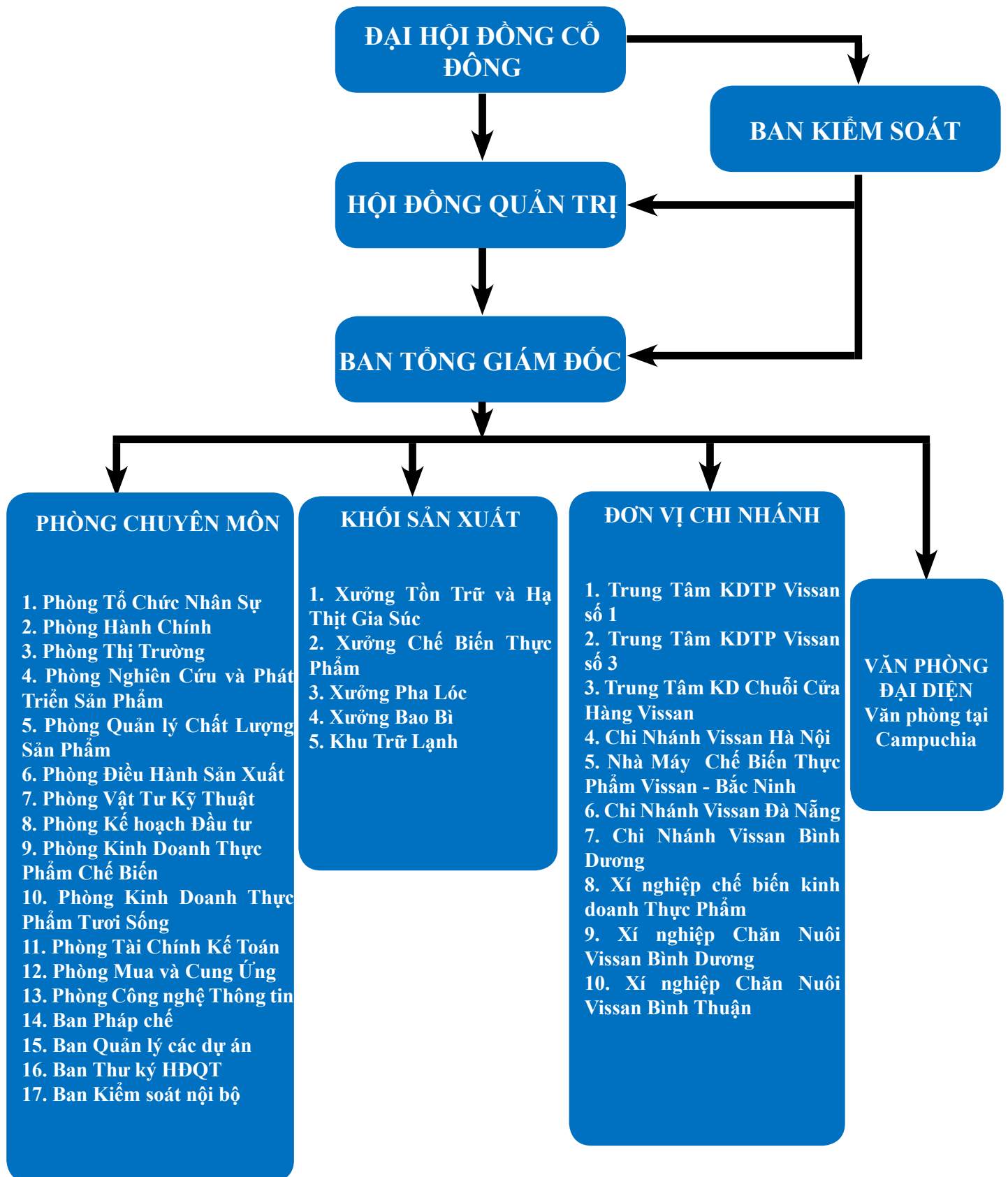
Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:



Trong đó:

- **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với định hướng chiến lược là tiếp cận thị trường bằng chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Công ty VISSAN đã và đang thực hiện quy trình liên kết khép kín trong sản xuất, không ngừng cải tiến quy trình này để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó, VISSAN còn chủ động kết hợp liên kết trong chuỗi kinh doanh khép kín, huy động các nguồn lực xã hội tập trung cho chuỗi giá trị đi từ khâu sản xuất chế biến đến khâu phân phối sản phẩm.

CÁC CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty VISSAN mong muốn thể hiện hết tinh thần trách nhiệm trong từng sản phẩm để mang đến sức khỏe cho cộng đồng, góp phần phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam. Đó là sức sống, khát khao của một tập thể với hơn 48 năm trưởng thành để tạo nên một thương hiệu vươn lên mãnh liệt trong nền kinh tế hội nhập.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, công bố thịt heo đạt tiêu chuẩn VietGAP và thịt bò Úc giết mổ theo tiêu chuẩn ESCAS...
- Đối với môi trường: VISSAN luôn tuân thủ pháp luật về môi trường, sử dụng nguồn năng lượng như điện, nước hiệu quả, thu gom và xử lý các loại nước thải, khí thải, chất thải rắn (cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại) đúng theo quy trình của Sở Tài Nguyên và Môi Trường TPHCM. Giảm thiểu tối đa tiếng ồn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sức khỏe người lao động.

- Đối với xã hội: Thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động; bảo vệ nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn cho người lao động. Công ty cũng đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động..





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, là mức tăng cao nhất cao nhất trong 11 năm qua.

Trong mức tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%.



RỦI RO DO ĐẶC THÙ NGÀNH

Về lĩnh vực chăn nuôi của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh phổ biến trên đàn heo, có thể ảnh hưởng đến năng suất sinh sản, dẫn đến giảm số lượng và chất lượng nguồn heo thịt, ảnh hưởng đến chi phí hoạt động cũng như hiệu quả kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực chăn nuôi. Đây là mối đe dọa trong chăn nuôi, do đó Công ty thường xuyên đào tạo đội ngũ kỹ thuật thú y có kiến thức sâu về kỹ thuật chăn nuôi, dịch bệnh, đồng thời đưa ra các hướng xử lý để hạn chế tối đa và lây nhiễm mầm bệnh.

RỦI RO LÃI SUẤT

Theo Tổng cục thống kê trong năm 2018, một số ngân hàng thương mại đã có động thái tăng lãi suất huy động để cân đối nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu thanh toán và dự phòng chi trả trong mùa vụ kinh doanh cao điểm nhất của năm nhưng với mức độ tăng nhỏ và không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu tín dụng của Công ty VISSAN tiếp tục được theo dõi sát sao để tránh các rủi ro về chi phí lãi vay tăng bất thường.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Thế giới (FAO), chất thải của gia súc toàn cầu tạo ra 65% lượng Nitơ oxit (N₂O) trong khí quyển. Đây là loại khí có khả năng hấp thụ năng lượng mặt trời cao gấp 296 lần so với khí CO₂. Cùng với các loại khí khác như CO₂, CH₄,... gây nên hiệu ứng nhà kính làm trái đất nóng lên. Công ty luôn kiểm tra đôn đốc các cơ sở chăn nuôi heo phải hoàn thiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ về môi trường; các cơ sở chăn nuôi mới đầu tư trước khi hoạt động chính thức phải được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình triển khai các biện pháp quản lý để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi heo để theo dõi, chỉ đạo... Tại nhà máy sản xuất chế biến thực phẩm, Công ty luôn hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

RỦI RO THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG

Trong giai đoạn hiện nay, thông tin truyền thông giữ vai trò quan trọng, tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Thông tin truyền thông giúp doanh nghiệp có thể quảng bá sản phẩm, tạo ra nhu cầu tiêu dùng, nhưng cũng có thể tác động ngược lại gây bất lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm khi có các thông tin xấu. Trong thời gian vừa qua các thông tin truyền thông rộng rãi về tình hình thực phẩm bản phổ biến, tình hình sử dụng chất tăng trưởng, chất cấm trong chăn nuôi, trồng trọt; một số đơn vị sản xuất thực phẩm sử dụng nguyên phụ liệu chưa đạt yêu cầu, cộng với các thông tin bất lợi từ thị trường khi sử dụng thực phẩm chế biến đã tác động đến tâm lý tiêu dùng của người dân, dẫn đến sức mua trên thị trường giảm sút kéo dài.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, VISSAN còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy VISSAN cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh khung pháp lý chung, VISSAN còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong quy trình giết mổ và chế biến thực phẩm.

Công ty VISSAN có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo vào giúp Công ty hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho, cháy nổ, thiên tai ... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

THUẬN LỢI:

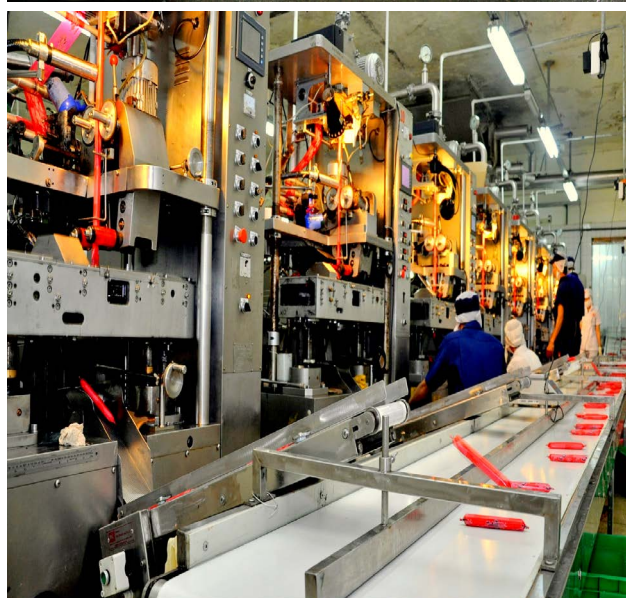
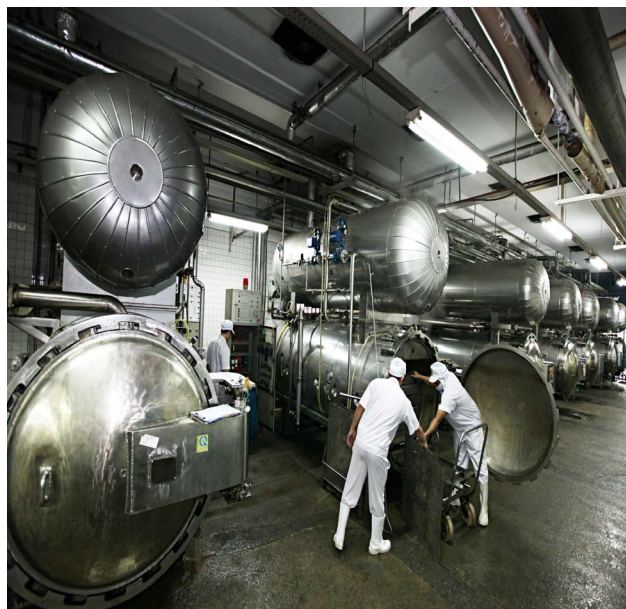
- Năm 2018, kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất trong 11 năm qua. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Trong mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 8,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ đóng góp 42,7% vào mức tăng trưởng chung. GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017.

- Môi trường kinh doanh đang ngày càng cải thiện, tiêu dùng tăng cao. Năm 2018 cũng là năm thuận lợi của thị trường bán lẻ sau thời gian phát triển khá cầm chừng. Các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini tại Việt Nam cũng có những chuyển biến đáng kể với sự góp mặt của khá nhiều thương hiệu trong nước lẫn quốc tế liên tục mở rộng thu hút thêm nhiều khách hàng. Thị phần khu vực nông thôn tiếp tục tăng, các tiệm tạp hóa quy mô vừa tiếp tục thu hút người mua ở khu vực này.

KHÓ KHĂN:

- Bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, thách thức: năng suất lao động còn thấp, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ, dịch bệnh diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

- Tình hình chăn nuôi heo được phục hồi nhanh, nhất là những tháng cuối năm do giá bán sản phẩm tăng nhanh và người chăn nuôi có lãi. Sản lượng thịt lợn đạt 3,8 triệu tấn, tăng 2,2% (quý IV đạt 1.072,2 nghìn tấn, tăng 7,1%). Giá nguyên liệu đầu vào heo hơi tăng dẫn đến giá bán sản phẩm từ thịt heo tăng mặc dù Công ty rất hạn chế trong việc tăng giá bán. Vì vậy, tình hình kinh doanh thịt heo gặp nhiều khó khăn.



KẾT QUẢ KINH DOANH 2018

Tình hình kinh doanh của VISSAN trong năm 2018 phát triển ổn định, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

ĐVT : Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018
Doanh thu thuần	3.878,1	4.439,5
Giá vốn hàng bán	2.905,9	3.531,5
Lợi nhuận gộp	972,2	908,0
Doanh thu hoạt động tài chính	16,8	23,3
Chi phí tài chính	19,2	23,3
Chi phí bán hàng	504,7	511,5
Chi phí quản lý doanh nghiệp	302,3	223,3
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	162,9	173,2
Lợi nhuận khác - Tổng	2,9	1,8
Lợi nhuận trước thuế	165,8	175,0
Lợi nhuận sau thuế	129,6	138,0

KẾT QUẢ KINH DOANH 2018

VỀ DOANH THU:

Doanh thu thuần của toàn công ty trong năm 2018 đạt 4.439,5 tỷ đồng, tăng 561,4 tỷ đồng so với năm 2017, tương đương mức tăng 14%. Tăng trưởng doanh thu trong năm 2018 khả quan do sản lượng thịt heo và thực phẩm chế biến tăng trưởng tốt.

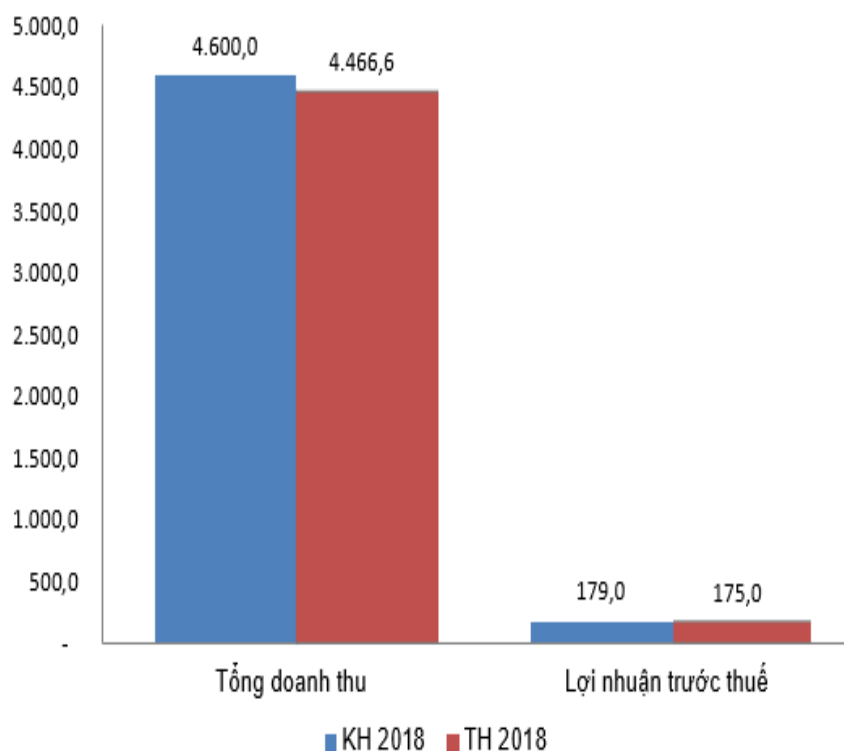
VỀ LỢI NHUẬN:

Tỉ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu giảm do doanh thu tăng thấp hơn tốc độ tăng giá vốn. Tốc độ tăng giá vốn cao chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào heo hơi tăng cao so với năm 2017 nhưng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế, kết thúc năm 2018, hai chỉ tiêu này đều ghi nhận mức lãi lớn là 175,0 tỷ đồng và 138,0 tỷ đồng. Mặc dù các yếu tố chi phí đều đạt mức cao, nhưng nhờ sản lượng và doanh thu tăng đáng kể nên các chỉ tiêu lợi nhuận của VISSAN đều có sự tăng trưởng tích cực trong năm qua.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐỀ RA

CHỈ TIÊU	KH 2018	TH2018	TH2018/KH2018
Tổng doanh thu	4.600,0	4.466,6	97,10%
Lợi nhuận trước thuế	179,0	175,0	97,77%

So với chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm, chỉ tiêu doanh thu của Công ty đạt 97,10% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 97,77% kế hoạch. Đây là năm hoạt động kinh doanh của Công ty đối mặt với giá nguyên liệu heo hơi đầu vào tăng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận mặt hàng thực phẩm tươi sống, là mặt hàng chủ lực chiếm tỷ trọng doanh thu khoảng 50%. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch, tuy nhiên đây là kết quả kinh doanh với sự nỗ lực của toàn thể.



cán bộ công nhân viên Công ty cũng như nỗ lực của lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, kiểm soát tốt chi phí đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty là những yếu tố tạo nên sản lượng và doanh thu tăng trưởng đáng kể.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN NGỌC AN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA), Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Anh Văn
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 8.600 cổ phần – 0,0106% vốn điều lệ

ÔNG LÊ MINH TUẤN PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Cử nhân Luật
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG PHÚ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ

ÔNG PHAN VĂN DŨNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 400 cổ phần, chiếm 0,0005 % vốn điều lệ.

ÔNG HUỲNH QUANG GIÀU
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế: chuyên ngành Tài chính Kế toán, Quản trị Kinh doanh
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 200 cổ phần – 0,0002% vốn điều lệ



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Bà Đặng Thị Phương Ninh – Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ ngày 01/02/2018, bổ nhiệm Ông Lê Minh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc bắt đầu nhiệm kì vào ngày 01/02/2018, bổ nhiệm Ông Phan Văn Dũng – Phó Tổng Giám đốc bắt đầu nhiệm kì vào ngày 05/01/2018, bà Lâm Thị Ngọc Sương – Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 26/04/2018.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên Đại học	749	15,41
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	755	15,53
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	1.497	30,79
4	Lao động phổ thông	1.861	38,28
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động toàn thời gian	4.462	91,77
2	Lao động bán thời gian	400	8,23
III	Theo giới tính		
1	Nam	2.787	57,32
2	Nữ	2.075	42,68
Tổng Cộng		4.862	100,0

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN



Chính sách lương thưởng phúc lợi luôn được công ty duy trì thực hiện đều đặn hàng năm, nhằm đảm bảo người lao động có đời sống vật chất ổn định, ngày càng cải thiện. Từ đó giúp người lao động an tâm công tác, cống hiến hết mình cùng sự phát triển của Công ty.

Hệ thống thang bảng lương được xây dựng và ban hành mới trong năm 2018 trên cơ sở cải tiến, phù hợp hơn với từng vị trí công việc, khuyến khích năng suất lao động và giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty.



MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN



Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi đều có quy chế rõ ràng, công khai cho người lao động nắm rõ và thấu hiểu. Việc xét thưởng dựa trên kết quả công việc của từng cá nhân và tập thể.

Điều đặn tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động.

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, kiến thức.

Quan tâm chăm lo đời sống người lao động, tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, thai sản, vận động hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn...

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho người lao động có thời gian nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng, hoạt động du lịch nghỉ mát thường niên cũng được Công đoàn Công ty thực hiện định kỳ và tạo mọi điều kiện cho toàn thể người lao động tham gia. Hoạt động văn thể mỹ được đầu tư và tổ chức hợp lý.

CHÍNH SÁCH NĂM 2018

- Duy trì các chính sách đã thực hiện trong những năm gần đây cho người lao động.
- Thực hiện đầy đủ chính sách theo đúng quy định của Nhà nước, đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.
- Khen thưởng, động viên kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất, đóng góp sáng kiến cải tiến và các giải pháp hữu ích cho Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Về công tác di dời nhà máy VISSAN: trong năm 2018 dự án đã triển khai một số công việc như thủ tục pháp lý thành lập Cụm công nghiệp Chế biến thực phẩm VISSAN tại Long An; hoàn thành thi công hạng mục rà phá bom mìn, vật nổ diệt tích 22,4ha đất dự án; triển khai các thủ tục đấu thầu các gói thầu Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán, gói thầu Quản lý dự án;... Dự kiến tiến độ chung của dự án sẽ đưa vào hoạt động cuối năm 2021.

Về các hạng mục đầu tư cải tạo sửa chữa, mua sắm thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin,... chuyên tiếp từ năm 2017 và đầu tư mới trong năm 2018 với tổng giá trị thực hiện 31,62 tỷ đồng. Việc đầu tư mua sắm thiết bị đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và góp phần cải thiện năng suất lao động trong khâu sản xuất chế biến.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.771.439,6	1.721.726,2	-2,81
Doanh thu thuần	3.878.106,5	4.439.501,4	14,48
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	162.860,0	173.160,1	6,32
Lợi nhuận khác	2.898,3	1.845,2	-36,34
Lợi nhuận trước thuế	165.758,3	175.005,3	5,58
Lợi nhuận sau thuế	129.627,9	138.016,6	6,47



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,61	1,79
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	45,97	42,29
Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	85,08	73,28
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	6,85	7,71
Vòng quay Tài sản	Vòng	2,38	2,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,34	3,11
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,54	13,89
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,32	8,02
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,20	3,90



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần: 80.914.300 cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Số cổ phiếu phổ thông: 80.914.300

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 45.700 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Nước ngoài			
Cá nhân	9	15.520	0,02
Tổ chức	3	3.304.000	4,08
Trong nước			
Cá nhân	977	2.380.858	2,94
Tổ chức	10	75.213.922	92,96
Tổng cộng	989	80.914.300	100,00

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

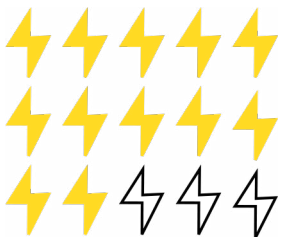
Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (SATRA)	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Hồ Chí Minh	54.829.878	67,76
Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)	KCN Sông Mây, Lô A4, Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai	20.180.026	24,94



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

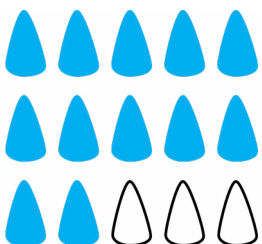
VỀ NĂNG LƯỢNG

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2018
1	Điện lưới (kW)	12.835.065
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	46.206.234.000
2	Điện máy phát (kW)	8.234
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	29.642.400
3	Dầu FO (kg)	91.606
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	3.767.839.394
4	Dầu DO (kg)	13.520
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	583.232.662
5	Hơi bão hòa (tấn)	19.390.000
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	53.904.200.000



VỀ ĐIỆN:

Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: tổng năng lượng điện tử sử dụng tiết kiệm qua 1 năm thông qua các sáng kiến là 88.920.000 (KJ/năm).



VỀ NƯỚC:

Hiểu rõ tầm quan trọng của nước, VISSAN luôn tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm nước và đưa ra sáng kiến sử dụng nước an toàn và hiệu quả. Trong năm nước tái sử dụng: 7.464,32(m³/năm) chiếm 1,6%.

VỀ MÔI TRƯỜNG



NƯỚC THẢI:

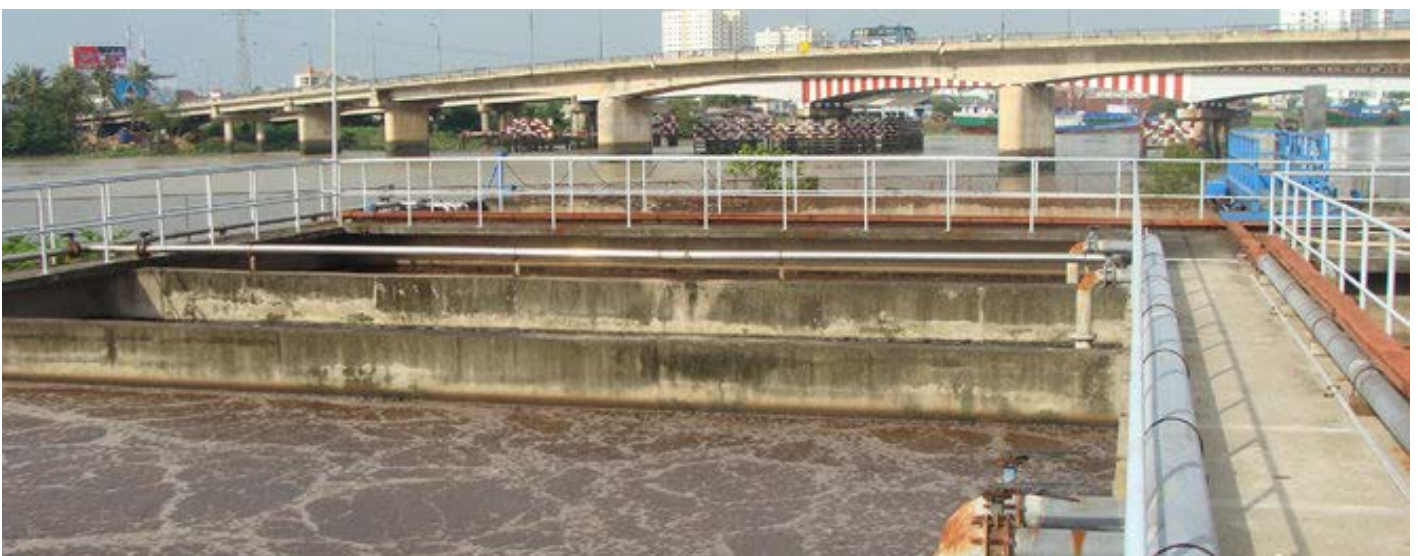
- Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải với công suất 990 m³ /ngày trước khi thải ra sông Sài Gòn.
- Công nghệ xử lý nước thải: phương pháp sinh học, kết hợp yếm khí và hiếu khí. Nước đầu vào -> Máy lược rác -> Bể điều hòa -> Bể keo tụ - tạo bông – tuyển nổi -> Bể UASB -> Bể điều chỉnh pH -> Bể Aerotank -> Bể Anoxic -> Bể lắng -> Bể khử trùng -> Nước đầu ra theo cột B.
- Nước thải sau khi được xử lý của Công ty đạt theo quy chuẩn hiện hành.

KHÍ THẢI:

- Khí thải: VISSAN luôn đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh và báo cáo kết quả quan trắc định kỳ 3 tháng/lần.

CHẤT THẢI RẮN:

- Chất thải rắn thông thường: Có nhà kho chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 150m² , có phân loại từng khu vực để từng loại rác thải, nằm cách xa khu vực sản xuất. Công ty VISSAN đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị bên ngoài. Hằng ngày, đơn vị dịch



vụ thu dọn vệ sinh có trách nhiệm đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường. Đồng thời các chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty đã được thu gom triệt để và lưu trữ đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Định kỳ Công ty phun thuốc khử trùng và khử mùi nhà chứa rác. Vì vậy, chất thải rắn phát sinh của Công ty không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường đất và môi trường không khí xung quanh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Công ty VISSAN cũng ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị bên ngoài theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường.
- Chất thải nguy hại (CTNH): có kho chứa chất thải nguy hại và được phân loại từng khu vực để từng loại CTNH, có dán nhãn và biển báo cấm, không gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.
- Công ty VISSAN đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Mã số QLCTNH 79.000564.T cấp lần 03 ngày 03/03/2017.
- Sau khi thu gom chất thải nguy hại từ Công ty VISSAN, các chứng từ giao nhận và xử lý chất thải nguy hại sẽ được chuyển cho Phòng Quản lý chất thải rắn - Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM theo dõi. Vì vậy, có thể nói chất thải nguy hại phát sinh của Công ty đã được thu gom, lưu trữ và chuyển giao đúng đơn vị chức năng, không gây ô nhiễm môi trường.
- Trong năm 2018, Công ty VISSAN phát sinh một lượng chất thải nguy hại với tổng khối lượng thực tế là 5.340,5 kg. Hiểu rõ về đặc điểm ngành nghề, do đó công tác nguy hại luôn được công ty quan tâm, và tiến hành xử lý đúng cách, tuân thủ pháp luật, đảm bảo an toàn với môi trường nhất có thể.

TIẾNG ÒN:

- Bố trí các máy móc một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết bị mài mòn.
- Đối với các máy có độ rung lớn phải đúc móng bê tông đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng, có rãnh cát để tránh lan truyền độ rung.
- Các máy gây ồn lớn được cách ly trong các phòng kín có tường cách âm.
- Sử dụng hệ thống máy móc hiện đại với độ cách âm tốt và ít phát sinh tiếng ồn.



TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VISSAN xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn cho người lao động. Con người là yếu tố cấu thành nên tổ chức và quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Thấu hiểu tầm quan trọng của giá trị lao động, trân trọng sự gắn kết, đồng hành của người lao động, VISSAN đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn lao động, chính sách phúc lợi dành cho người lao động, đảm bảo mức thu nhập ổn định nhằm giúp người lao động an tâm trong công tác.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động với các chương trình huấn luyện, đào tạo thiết thực nhằm phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động như: Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Lao động bình quân thực hiện năm 2018: 4.900 người với mức thu nhập bình quân: 8.172.000 đồng/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo đặc thù công việc cho người lao động.
- Bồi dưỡng sữa hàng ngày đối với người lao động làm việc tại các vị trí có yếu tố có hại, vi khí hậu vượt chuẩn.
- Mua bảo hiểm tai nạn (24/24) cho toàn thể người lao động trong toàn công ty.
- Mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động làm việc trong khối phòng, ban và các xưởng sản xuất thuộc công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe, nghỉ mát hàng năm; thực hiện thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ.
- Tặng quà cho lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam.
- Tặng quà cho con người lao động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng học sinh giỏi, tổ chức tham dự trại hè.
- Chi hỗ trợ cho người lao động nghỉ hưu theo chế độ; tổ chức họp mặt, thăm hỏi cán bộ hưu trí hàng năm.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Stt	Nội dung	Số lượng	Tiền
1	Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ Đại học – Cao học cho công nhân viên và người lao động	4	46.100.000
2	Đào tạo nội bộ: + Đào tạo tay nghề pha lóc thịt (12 lớp) + Tập huấn sử dụng phần mềm Te-food	322	16.200.000
3	Kỹ năng quản lý dành cho Cửa hàng trưởng	80	48.000.000
4	Văn hóa phục vụ khách hàng	404	396.000.000
5	Chuyên đề quy trình phát triển sản phẩm mới	25	26.000.000
6	Nghệ thuật tạo động lực làm việc cho nhân viên	120	64.000.000
7	Khóa học giết mổ bò do Chính phủ Úc tài trợ	14	0
8	Khóa đào tạo Giám sát bán hàng chuyên nghiệp	55	37.500.000
9	Kỹ năng quản lý, giám sát sản xuất	50	54.000.000
10	Đào tạo chương trình ISO 9001:2015, 5S - Đào tạo chương trình HACCP	46	61.200.00
11	Tập huấn theo quy định Nhà nước (an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm tổ chức tại Công ty do Ban Quản lý An toàn thực phẩm phụ trách)	5.418	155.464.500
12	- Đào tạo chuyên đề nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chuyên viên; - Tập huấn, hội thảo (ngoài Công ty)	453	404.917.050
TỔNG		6.991	1.309.381.550

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

- Công ty VISSAN đã thực hiện nhiều chương trình cộng đồng trong năm 2018 như: tham gia thực hiện nhiều chương trình công tác xã hội như Tết làm đều hay vì nông dân nghèo, đóng góp cho Quỹ xã hội từ thiện của Tổng Công ty, đóng góp cho chương trình “SATRA vì biển đảo quê hương”, hỗ trợ cho UBMTTQ thành phố chăm lo Tết cho người nghèo, ủng hộ UBMTTT quận Bình Thạnh chăm lo cho người nghèo, ủng hộ chương trình “Tết vì người nghèo” của HHDN thành phố và các chương trình từ thiện khác với tổng trị giá khoảng 1,3 tỷ đồng.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

- Ngoài ra, Công ty còn tham gia các chương trình như: thăm và phụng dưỡng cho các mẹ Việt Nam Anh hùng, tham gia chương trình hiến máu nhân đạo “Giọt máu nghĩa tình” vào ngày 27/05/2018 và đã nhận được hưởng ứng 230 cán bộ công nhân viên tham gia.



PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Năm 2018 tăng trưởng kinh tế cả nước tăng 7,08% so với năm 2017, là mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm qua. GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Đây là năm thuận lợi của thị trường bán lẻ sau thời gian phát triển khá chậm chạp. Các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini tại Việt Nam cũng có những chuyển biến đáng kể với sự góp mặt của khá nhiều thương hiệu trong nước lẫn quốc tế liên tục mở rộng thu hút thêm nhiều khách hàng.

- Tình hình chăn nuôi heo được phục hồi nhanh, nhất là những tháng cuối năm do giá bán sản phẩm tăng nhanh và người chăn nuôi có lãi. Giá nguyên liệu đầu vào heo hơi tăng dẫn đến giá bán sản phẩm từ thịt heo tăng mặc dù Công ty rất hạn chế trong việc tăng giá bán. Do đó, tình hình kinh doanh thịt heo gặp nhiều khó khăn. Trước những khó khăn này, Công ty đã tăng cường kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào, tiết kiệm trong sản xuất – kinh doanh, cũng như đẩy mạnh các giải pháp trong mọi hoạt động nhằm tăng sản lượng thực hiện so với với cùng kỳ.

- Tại công ty VISSAN, sau khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp cổ phần từ ngày 1/7/2016, Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác tái cấu trúc bộ máy, hoạt động sản xuất- kinh doanh và quản lý điều hành nhằm đáp ứng kịp thời xu hướng phát triển của thị trường. Cùng với nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể người lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những bước tăng trưởng, mặc dù chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đặt ra nhưng vẫn đảm bảo sản lượng thịt heo các loại tăng trưởng 2% so với cùng kỳ, thực phẩm chế biến tăng trưởng 19% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng vượt so với cùng kỳ 6%.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	% Hoàn Thành
I	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	4.600.000	4.466.562	97
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	179.000	175.005	98
III	Sản lượng				
1	Thịt heo các loại	Tấn	28.204	24.040	85
2	Thịt bò	Tấn	1.735	1.475	85
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	21.874	22.660	104
IV	Thu nhập bình quân	1.000 đồng	8.323	8.127	98



- Đối với nhóm thực phẩm tươi sống: Tình hình kinh doanh thực phẩm tươi sống trong năm 2018 đối với thịt bò giảm 2% so với cùng kỳ. Đối với thịt heo các loại tăng trưởng 2% so với cùng kỳ, tuy nhiên vẫn chưa đạt được kỳ vọng theo chỉ tiêu kế hoạch đặt ra. Sản lượng tăng chủ yếu tập trung tại kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi).

- Đối với thực phẩm chế biến: thị trường phục hồi nên sản lượng tăng trưởng 19% so với cùng kỳ. Đồng thời, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp thị trường phù hợp, thay đổi mẫu mã bao bì, cơ cấu lại sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường xuất khẩu. Mặt khác, Công ty thực hiện một số công tác giúp tăng cường công tác quản trị và tăng trưởng doanh số. Bên cạnh đó, trong năm 2018, VISSAN đã tích cực khảo sát thị trường, nghiên cứu sản xuất và ra mắt 13 sản phẩm chế biến mới thuộc dòng Xúc xích tiết trùng, Thịt nguội, Đồ hộp và Chế biến khô (xúc xích lactic vị mới; đồ hộp cá xốt cà thuộc dòng Mai Vàng; pate gan hảo vị lon 150gr mới thuộc dòng mai Vàng; da heo chiên giòn). Các sản phẩm mới đưa ra thị trường đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng về chất lượng, giá cả, mẫu mã bao bì nên được người tiêu dùng ưa chuộng.

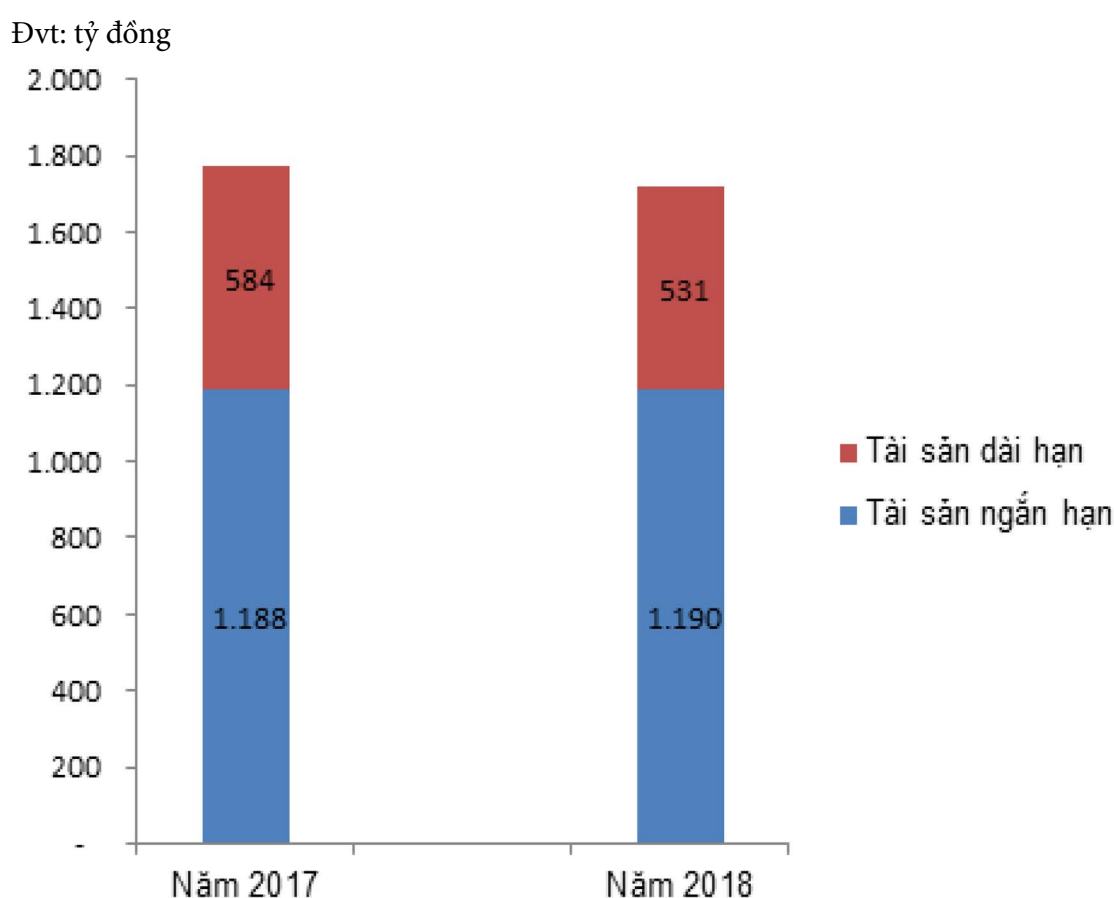
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 là 175 tỷ đồng, đạt 97,77% so với kế hoạch đề ra nhưng tăng trưởng 6% so với cùng kỳ. Đây là năm hoạt động kinh doanh gặp khó khăn do giá heo hơi nguyên liệu đầu vào tăng mạnh làm ảnh hưởng đến lợi nhuận mặt hàng tươi sống là mặt hàng chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng doanh thu khoảng 50%. Với kết quả đạt được đáng khích lệ này là nhờ Công ty đã tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tốt chi phí.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tính đến 31/12/2018, giá trị tổng tài sản đạt 1.721,7 tỷ đồng, giảm 2,8% so với thời điểm cuối năm 2017. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 69,14%.



Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 43,7%, tiếp đến là tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác, các khoản mục này lần lượt chiếm 31,8%, 23,8% và 0,7%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 83,9%. Ngoài ra các khoản mục tài sản dài hạn khác cũng chiếm một tỷ trọng đáng kể (13,0%).

Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2018

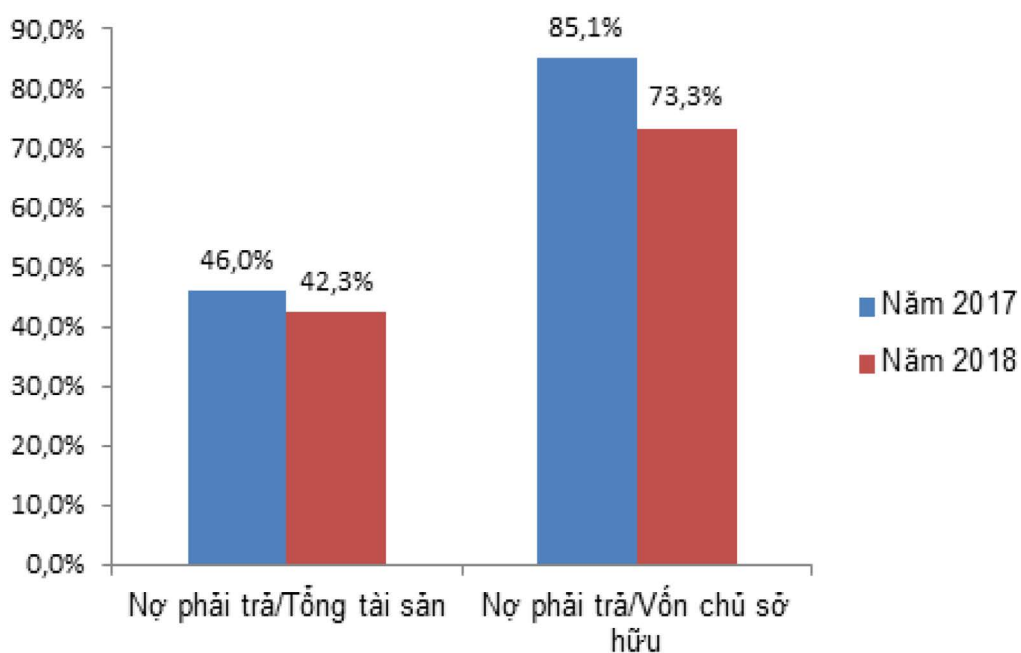


Cơ cấu tài sản dài hạn năm 2018



NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm 31/12/2018, 42,3% tổng tài sản của Công ty được tài trợ từ các khoản Nợ phải trả, điều này cũng tương đương với tổng giá trị các khoản Nợ phải trả bằng 73,3% khi so sánh với giá trị của vốn chủ sở hữu. So với năm 2017, cơ cấu nợ/tổng tài sản của Công ty giảm 3,7%, cơ cấu nợ/vốn chủ sở hữu giảm 11,8%. Nhìn chung, cơ cấu nợ này thuộc mức an toàn và không có quá nhiều biến động.





CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ BỘ MÁY

TRONG CÔNG TÁC SẢN XUẤT:

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật theo tháng, phát huy được hiệu quả khi tìm được nguyên nhân tăng giảm giá thành sản phẩm khi so sánh với các công ty cùng ngành. Từ đó, đề ra được các biện pháp khắc phục hiệu quả, giúp giá thành sản phẩm ổn định, tối đa hóa lợi nhuận.
- Thành lập các Hội đồng giúp việc cho Ban điều hành công ty (Hội đồng giá, Hội đồng thanh lý...) với thành phần nhân sự kiêm nhiệm nhưng đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó, nguyên vật liệu đầu vào có giá cả hợp lý với chất lượng tốt nhất; kịp thời thanh lý nhằm thu hồi vốn với các tài sản không sử dụng. Đây là một trong những nguyên nhân giúp việc quản lý giá thành và quản trị dòng tiền Công ty đạt hiệu quả tốt.
- Tác phong công nghiệp của người lao động ngày càng cao. Việc phân bổ kế hoạch sản xuất và phân công ca kíp hợp lý cũng giúp người lao động đảm bảo sức khỏe và hoàn thành công việc được giao.
- Các công tác khác như phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, an toàn lao động... tiếp tục được duy trì ổn định.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÂN LỰC:

- Quản lý nguồn nhân lực hợp lý, luân chuyển và phân công nhiệm vụ cho cán bộ theo đúng năng lực và kinh nghiệm.
- Công ty đã triển khai sắp xếp lại bộ máy tổ chức, thành lập mới và sáp nhập một số phòng chức năng, điều chỉnh cơ cấu bộ máy hoạt động đối với các Chi nhánh trực thuộc nhằm tập trung đầu mỗi quản lý, tăng cường hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.
- Trong năm 2018, Công ty đã xây dựng và ban hành 24 quy định, 10 quy chế, hoàn thiện các định mức trong sản xuất, tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2019

- Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đã được Quốc hội thông qua, trong đó GDP tăng 6,6%-6,8%, tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4% (Nguồn: Tổng Cục Thống kê).
- Sự phục hồi của giá heo trong năm qua đã mang tin vui cho ngành chăn nuôi, nhưng biến động của giá heo hơi trở nên khó đoán hơn trong năm 2019 nên không thể mang lại sự bền vững cho ngành.
- Mặc khác, ngành chăn nuôi heo phải đối mặt với rủi ro xâm nhiễm của dịch tả heo châu Phi từ Trung Quốc và lượng thịt heo nhập khẩu tăng khi Việt Nam gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP), thịt heo trong nước có thể gặp phải sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu do sức cạnh tranh còn yếu.
- Nhu cầu tiêu dùng tăng tại các kênh hiện đại, thị trường bán lẻ còn nhiều tiềm năng phát triển.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Nâng cao và phát triển thị phần thực phẩm tươi sống và thực phẩm chế biến tại các kênh phân phối hiện đại, truyền thống và Horeca.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thịt tươi sống (Vis-Trace) và thực phẩm chế biến các loại, góp phần đa dạng hóa sản phẩm.
- Đầu tư trang thiết bị nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Hoạch định và xây dựng Chương trình chiến lược tạo nguồn nguyên liệu cho Công ty.
- Tiếp tục duy trì, phát triển Chương trình truy xuất nguồn gốc, mở thêm các Cửa hàng cao cấp Vissan Premium, tạo hệ nhận diện cao cấp của Công ty trên thị trường.
- Xây dựng chương trình thực phẩm tươi sống theo tiêu chuẩn thịt mát, theo xu hướng tiêu dùng về thịt tươi sống.



- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cường phục vụ công tác quản trị Công ty
- Duy trì Chương trình kiểm soát và giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động.
- Thúc đẩy Dự án di dời & đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự báo tình hình kinh tế xã hội, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	TH 2018	KH 2019	% Tăng, giảm
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.466.562	4.850.000	9
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	175.005	200.000	14
II	Sản lượng				
1	Thịt heo các loại	Tấn	24.040	26.542	10
2	Thịt bò	Tấn	1.475	1.550	5
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	22.660	24.930	110

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

- Năm 2018, hoạt động chăn nuôi có sự phục hồi trong những cuối năm, lĩnh vực kinh doanh của hàng tiện lợi phát triển mạnh mẽ nhưng nhìn chung tổng quan về thị trường ngành thực phẩm chế biến, đặc biệt ngành tươi sống vẫn chưa hết khó khăn và thách thức. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty luôn kiên định thực hiện những chủ trương, kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua, đồng thời đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát các định hướng phát triển của Công ty.

- Mặc dù, kết quả thực hiện năm 2018 chưa đạt như kỳ vọng (tổng doanh thu đạt 97,1% và lợi nhuận trước thuế đạt 97,77% kế hoạch), Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành và toàn thể người lao động Công ty đã nỗ lực cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, Công ty đã xây dựng được nền tảng khá vững chắc cho những chặng đường tiếp theo thông qua việc định hình một cách rõ ràng về chiến lược hoạt động năm 2019 và trong thời gian tới.

Về công tác nhân sự Ban Điều hành

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trong năm 2018, HĐQT đã triển khai việc kiện toàn nhân sự Ban Điều hành Công ty, cụ thể như sau:

- Bổ nhiệm Ông Phan Văn Dũng – Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Trưởng Phòng Kinh doanh

Thực phẩm Chế biến, đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 05/01/2018.

- Tuyển dụng và Bổ nhiệm Ông Lê Minh Tuấn – Cử nhân Tài chính, Cử nhân Luật, đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/02/2018.

Đồng thời với việc kiện toàn nhân sự, Tổng Giám đốc đã chủ động phân công và giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban Điều hành phụ trách từng lĩnh vực công việc cụ thể. Ngoài việc thực hiện vai trò điều hành chung, Tổng Giám đốc đã xây dựng cơ chế làm việc tập thể, tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong Ban Điều hành phát huy được hết chuyên môn, tính độc lập, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

Về hoạt động điều hành của Tổng Giám Đốc

- Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên trong Ban Điều hành luôn chứng minh được năng lực, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Ban Điều hành đã tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị có điều kiện giám sát chặt chẽ Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý điều hành khác về kết quả hoạt động Công ty.

- Nhìn chung, tập thể Ban điều hành Công ty đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2019

Từ những nhận định trên và kế hoạch 05 năm 2016 – 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị định hướng hoạt động cho Công ty năm 2019 như sau:

- Xây dựng đề án tạo nguồn nguyên liệu heo hơi (chiếm 20 – 30%) nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2019 và cho những năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, an toàn và có truy xuất nguồn gốc,... làm định hướng phát triển trọng tâm chiến lược; giữ vững uy tín và vị thế của nhà cung cấp thực phẩm hàng đầu hiện nay.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống cửa hàng VISSAN Premium với sản phẩm thịt heo cao cấp. Mở rộng hệ thống cửa hàng GTSP Vissan tại các khu dân cư.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thi công các hạng mục thuộc dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan nhằm hoàn thành đúng tiến độ đề ra, nhanh chóng đưa nhà máy sớm đi vào hoạt động.

- Tập trung công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp đối với đội ngũ quản lý tại Công ty; tiếp tục áp dụng công cụ quản lý tiên tiến nhằm phù hợp với yêu cầu mới.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu %
Ông Nguyễn Phúc Khoa	1967	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Kinh tế. Cử nhân Quản trị kinh doanh. Kỹ sư máy tính.	0	0
Ông Nguyễn Ngọc An	1963	Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA). Kỹ sư cơ khí. Cử nhân Anh Văn.	8.600	0,0106
Ông Phạm Trung Lâm	1973	Phó chủ tịch HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh.	0	0
Ông Trần Ngọc Đăng	1962	Thành viên HĐQT	Cử nhân Kế toán.	0	0
Ông Huỳnh Quang Giàu	1975	Thành viên HĐQT từ ngày 05/4/2017	Cử nhân Kinh tế: chuyên ngành Tài chính Kế toán. Quản trị Kinh doanh	200	0,00 02

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, các thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công, quyết định các định hướng lớn của công ty, kịp thời chỉ đạo việc hoàn thiện công tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý, về tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công ty và các cổ đông.



Hoạt động điều hành

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong năm 2018, HĐQT đã thông qua nhiều chủ trương lớn, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện các mục tiêu đã đặt ra của Đại hội đồng cổ đông:

- Tổ chức 03 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các phòng chuyên



môn, nghiệp vụ Công ty.

- Tổ chức 24 lần ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Ban hành 27 Nghị quyết và 10 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT về các vấn đề nhân sự, tổ chức bộ máy; thông qua chủ trương đầu tư, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trung và dài hạn và vấn đề quan trọng khác của Công ty đúng theo quy định.

NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Công việc được giao phụ trách
1	Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	Phụ trách chung Hội đồng quản trị, tổ chức nhân sự, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin, trực tiếp chỉ đạo Ban chuyên trách các dự án Vissan
2	Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Phụ trách Điều hành Công ty, hoạt động Kinh doanh, Thị trường, kỹ thuật trong sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, phát triển công nghệ.
3	Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	Phụ trách hoạt động Kế hoạch, Chiến lược.
4	Trần Ngọc Đăng	Thành viên HĐQT	Phụ trách công tác tài chính - kế toán và kiểm soát nội bộ Công ty.
5	Huỳnh Quang Giàu	Thành viên HĐQT	Phụ trách công tác pháp chế, quan hệ cổ đông và các vấn đề liên quan đến cổ phiếu, công bố thông tin.

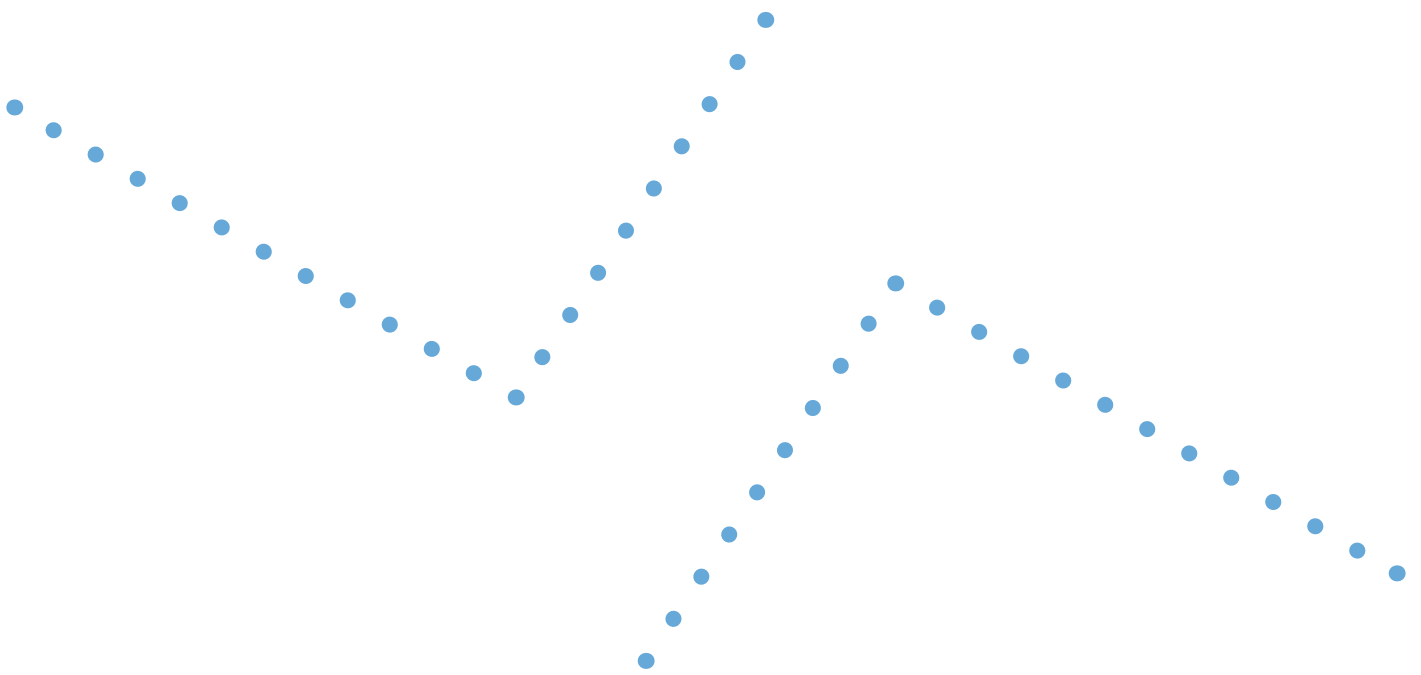


BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm ba thành viên, là những người có kinh nghiệm nên có đủ năng lực và làm việc hiệu quả trong quá trình kiểm tra giám sát tại Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi Chú
1	Phạm Hoàng Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	Thôi giữ nhiệm vụ ngày 11/04/2018
3	Phạm Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên	Bầu bổ sung ngày 11/04/2018
4	Lê Quang Liêm	Kiểm soát viên	





HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát hoạt động gồm ba thành viên, là những người có kinh nghiệm nên có đủ năng lực và làm việc hiệu quả trong quá trình kiểm tra giám sát tại Công ty. Dựa trên cơ sở các quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, mỗi thành viên chuyên trách những nội dung phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn nên đã thực hiện tốt trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Điều lệ Công ty.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên. Ban kiểm soát cử đại diện tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị:

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và các văn bản của Ban lãnh đạo Công ty, báo cáo công tác điều hành của lãnh đạo.
- Trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh kiến nghị những nội dung liên quan.
- Cập nhật kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát nội bộ, xem xét các báo cáo kiểm soát nội bộ chi tiết từng đơn vị trong Công ty. Căn cứ kết quả kiểm soát nội bộ, Ban kiểm soát và Ban kiểm soát nội bộ đã kịp thời thông báo, làm việc với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để có những chỉ đạo nhằm ngăn ngừa, phát hiện kịp thời và xử lý các tồn tại trong quá trình hoạt động.
- Xem xét báo cáo tài chính hàng quý, năm trước khi gửi Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM; xem xét kết quả đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Tổng kết năm 2018 Công ty thực hiện 4.466,6 tỷ đồng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, đạt 97,1% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế thực hiện 175 tỷ đồng, đạt 97,77% kế hoạch. Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời ra những kế hoạch và quyết định, thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2018. Ban kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động quản trị kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018:

Báo cáo tài chính năm 2018 được lập theo Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018. Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư; Số liệu Báo cáo tài chính công ty lập và công bố không có sự khác biệt nhiều so với Báo cáo Tài chính sau kiểm toán Các chỉ tiêu tài chính được Trình bày tại báo cáo của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát kiểm tra, soát xét và chấp thuận các số liệu. Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2018 của Công ty kiểm toán.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU TÓM TẮT NHƯ SAU:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	67,05	69,14
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	32,95	30,86
Cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	45,97	42,29
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54,03	57,71
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,61	1,79
Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu bán hàng	%	3,34	3,11
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	13,54	13,89

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2018 đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Ban kiểm soát nội bộ, triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Hội đồng Quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu. Hội đồng Quản trị Tổng công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2019 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THUỞNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	129.056.400	
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó chủ tịch HĐQT	105.591.600	
Ông Phạm Trung Lâm	Phó chủ tịch HĐQT	105.591.600	
Ông Trần Ngọc Đăng	Thành viên HĐQT	105.591.600	
Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên HĐQT	105.591.600	586.620.000
Ban Kiểm soát			
Ông Phạm Hoàng Sơn	Trưởng ban		645.282.000
Ông Lê Quang Liêm	Kiểm soát viên	82.126.800	
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên (T1-3/18)	20.531.700	
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	KSV (Từ T4/18)	61.595.100	
Ban điều hành			
Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc		727.408.800
Bà Lâm Thị Ngọc Sương	Phó TGD (T1-4/18)		215.094.000
Bà Đặng Thị Phương Ninh	Phó TGD (T1/2018)		53.773.500
Ông Lê Minh Tuấn	Phó TGD (từ T2/2018)		591.508.500
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc		645.282.000
Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc		645.282.000

* Đối với khoản thù lao của Ông Phạm Trung Lâm và Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên đề nghị không nhận đã được Công ty xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ

Công ty đã thực hiện các quy định về quản trị Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật liên quan do Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng như Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Công ty cũng đã tự nguyện công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty để cổ đông, nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu về tình hình quản trị nội bộ của VISSAN.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sàn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Đăng	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Ngọc Sương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018)
Bà Đặng Thị Phương Ninh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018)
Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hoàng Sơn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2018)
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2018)
Ông Lê Quang Liêm	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc An.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN
420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

500
NH
NG
HIỂN
OỊ
T I
TP.1

Số: 502 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 25 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0395-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		728.120.942.218	814.315.762.986
I. Nợ ngắn hạn	310		665.749.425.319	739.135.080.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	239.938.495.591	261.930.276.146
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.739.294.027	45.993.433.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	30.073.787.918	33.968.682.224
4. Phải trả người lao động	314		39.991.032.477	120.074.833.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.147.535.213	557.598.287
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	74.279.744.656	38.595.499.006
7. Vay ngắn hạn	320	19	194.568.293.979	213.004.329.447
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	29.011.241.458	25.010.428.770
II. Nợ dài hạn	330		62.371.516.899	75.180.682.169
1. Vay dài hạn	338	20	11.878.512.183	22.477.328.668
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	30.493.004.716	32.703.353.501
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	23	20.000.000.000	20.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		993.605.210.190	957.123.830.134
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	993.605.210.190	957.123.830.134
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		809.143.000.000	809.143.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		809.143.000.000	809.143.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.877.075.317	28.432.888.063
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136.585.134.873	119.547.942.071
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		12.368.576.841	1.720.027.043
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		124.216.558.032	117.827.915.028
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.721.726.152.408	1.771.439.593.120



Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.475.839.336.775		3.905.144.656.207	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36.337.917.672		27.038.138.653	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	4.439.501.419.103		3.878.106.517.554	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	3.531.504.381.179		2.905.940.089.293	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		907.997.037.924		972.166.428.261	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	23.272.855.664		16.835.952.189	
7. Chi phí tài chính	22	31	23.311.262.199		19.204.596.720	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.690.073.077		12.493.808.556	
8. Chi phí bán hàng	25	32	511.542.778.502		504.679.481.499	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	223.255.741.309		302.258.307.776	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		173.160.111.578		162.859.994.455	
11. Thu nhập khác	31	33	3.787.708.231		4.617.488.223	
12. Chi phí khác	32	34	1.942.513.646		1.719.146.584	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.845.194.585		2.898.341.639	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		175.005.306.163		165.758.336.094	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	41.830.937.312		44.685.240.974	
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(4.842.189.181)		(8.554.819.908)	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		138.016.558.032		129.627.915.028	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	981		1.073	



Thùy

Giàu

Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu

Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

25
H
ON
NH
LI
BT
TF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.415.008.981.007	4.711.717.528.123
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.522.524.332.082)	(3.537.812.853.905)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(535.728.053.606)	(433.212.545.853)
Tiền lãi vay đã trả	04	(14.643.412.787)	(12.387.320.058)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(45.748.292.114)	(35.927.454.205)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.579.567.604	21.496.991.869
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(376.477.130.913)	(357.332.930.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	08	(59.532.672.891)	356.541.415.365
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(24.350.943.607)	(20.753.223.244)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	168.533.289	324.390.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.677.697.551	15.774.031.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.504.712.767)	(4.654.800.711)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.080.917.979.629	750.534.195.161
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.109.952.831.582)	(742.089.898.026)
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.620.165.000)	(49.293.410.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(85.655.016.953)	(40.849.112.951)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=08+30+40)	50	(146.692.402.611)	311.037.501.703
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	525.363.140.496	214.323.025.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(32.365.761)	2.612.980
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	378.638.372.124	525.363.140.496



Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) (gọi tắt là "Công ty") được thành lập vào ngày 20 tháng 11 năm 1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18 tháng 5 năm 1974.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 809.143.000.000 đồng. Công ty mẹ là Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 21 tháng 10 năm 2016 với mã giao dịch là VSN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.058 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.389).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài không quá 12 tháng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm và chế biến nên nhu cầu dự trữ hàng hóa vào các dịp lễ, tết thường cao hơn so với bình thường.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty bao gồm Trụ sở chính và 10 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh 1 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 1
- Chi nhánh 2 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 3
- Chi nhánh 3 – Chi nhánh Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 4 – Chi nhánh Vissan Hà Nội
- Chi nhánh 5 – Xí nghiệp chế biến và kho thực phẩm Vissan
- Chi nhánh 6 – Chi nhánh Vissan Đà Nẵng
- Chi nhánh 7 – Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm
- Chi nhánh 8 – Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 9 – Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận
- Chi nhánh 10 – Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan

Ngoài ra, Công ty có văn phòng đại diện tại Số 12L, Đường số 3, Phường Steung Meanchey, Thành phố Phnom Penh, Vương quốc Cambodia.



Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 30
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	3 - 10
Súc vật cho sản phẩm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất trả trước, lợi thế kinh doanh khi xác định lại giá trị doanh nghiệp, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh khi xác định lại giá trị doanh nghiệp bao gồm: giá trị thương hiệu, giá trị tiềm năng phát triển và lợi thế quyền thuê sạp chợ.

Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm, bao gồm chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web.



Giá trị tiềm năng phát triển được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ.

Giá trị lợi thế quyền thuê sạp chợ được định giá và tính vào giá trị doanh nghiệp theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Lợi thế kinh doanh khi xác định lại giá trị doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và những chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 1 đến 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chi để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	9.489.415.500	9.678.844.100
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.169.286.588	89.364.557.630
Tiền đang chuyển	179.670.036	31.430.433
Các khoản tương đương tiền (*)	319.800.000.000	426.288.308.333
	<u>378.638.372.124</u>	<u>525.363.140.496</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu là một tháng với lãi suất là 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba	232.747.090.005	237.120.433.771
Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh	91.368.964.078	58.199.863.503
Công ty Gentraco	-	89.421.535.000
Các khách hàng khác	141.378.125.927	89.499.035.268
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan (Xem Thuyết minh số 38)	38.189.197.174	15.800.591.610
	<u>270.936.287.179</u>	<u>252.921.025.381</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	8.208.657.635	7.525.953.540
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	2.791.305.804	2.198.379.553
Tạm ứng	576.607.000	1.688.223.400
Ký quỹ, ký cược	1.013.300.000	750.700.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	531.932.875	699.983.215
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh số 38)	1.018.276.863	1.018.276.863
Phải thu khác	2.277.235.093	1.170.390.509
b. Dài hạn	1.333.000.000	1.069.000.000
Ký quỹ, ký cược	1.333.000.000	1.069.000.000
	<u>9.541.657.635</u>	<u>8.594.953.540</u>

7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm và số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị của các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi			
+ Công ty Cổ phần Thực phẩm Và Đồ uống Express	188.295.508	(188.295.508)	-
+ Công ty TNHH Thương Mại Nhà Tôi	178.182.957	(178.182.957)	-
+ Các khách hàng khác	452.191.077	(452.191.077)	-
	<u>818.669.542</u>	<u>(818.669.542)</u>	<u>-</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.131.869.540	-	4.788.477.361	-
Nguyên liệu, vật liệu	83.458.737.803	-	59.036.896.871	-
Công cụ, dụng cụ	55.100.561.497	-	40.279.582.679	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.463.641.750	-	6.068.567.468	-
Thành phẩm	360.428.094.183	838.812.941	281.394.384.552	7.721.132.450
Hàng hoá	11.224.855.634	-	11.445.101.544	-
Hàng gửi bán	295.242.037	-	107.625.962	-
	521.103.002.444	838.812.941	403.120.636.437	7.721.132.450

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay và năm trước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	7.721.132.450	192.754.415
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(6.882.319.509)	7.528.378.035
Số dư cuối năm	838.812.941	7.721.132.450

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	982.673.598	710.392.798
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.449.194.145	2.140.864.991
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.056.733.232	1.161.833.940
	7.488.600.975	4.013.091.729
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng ở Khu Công Nghiệp Tiên Sơn Bắc Ninh	1.789.111.206	1.846.982.622
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.666.683.043	3.738.445.019
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.699.262.840	1.884.411.609
Lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp	29.573.887.756	88.721.663.248
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.207.390.432	3.985.877.246
	54.936.335.277	100.177.379.744



10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số nộp thừa/ phải nộp trong năm VND	Số được hoàn/ đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	-	506.999	-	506.999
Thuế thu nhập cá nhân	40.113.468	691.626.120	63.479.640	668.259.948
Lệ phí môn bài	-	89.000.000	-	89.000.000
	40.113.468	781.133.119	63.479.640	757.766.947
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	13.072.762.700	139.188.538.886	137.801.913.931	14.459.387.655
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	13.152.892.525	13.152.892.525	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.721.851.013	1.721.851.013	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.913.090.987	41.830.937.312	45.748.292.114	14.995.736.185
Thuế thu nhập cá nhân	271.324.409	5.324.834.663	5.561.019.669	35.139.403
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.324.205.017	14.515.375.364	15.553.513.671	286.066.710
Thuế đất phi nông nghiệp	-	143.656.761	143.656.761	-
Thuế nhà thầu	-	192.496.707	192.496.707	-
Lệ phí môn bài	-	101.000.000	101.000.000	-
Các loại thuế khác	387.299.111	826.585.912	916.427.058	297.457.965
	33.968.682.224	216.998.169.143	220.893.063.449	30.073.787.918

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Súc vật cho sản phẩm VND	Tổng VND
Số đầu năm	117.687.174.210	189.316.064.420	60.465.489.176	22.253.805.220	7.256.083.238	396.978.616.264
Mua sắm mới	43.846.000	10.168.997.820	1.237.838.800	1.148.618.309	-	12.599.300.929
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	999.580.292	5.705.427.551	-	2.860.494.280	-	9.565.502.123
Tăng khác	-	-	-	89.869.020	-	89.869.020
Thanh lý, nhượng bán	-	(245.648.400)	-	(514.869.348)	(2.287.104.735)	(3.047.622.483)
Giảm khác	(71.800.420)	(56.000.000)	-	-	-	(127.800.420)
Số cuối năm	118.658.800.082	204.888.841.391	61.703.327.976	25.837.917.481	4.968.978.503	416.057.865.433
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	25.876.576.946	124.682.059.031	41.220.209.898	11.952.025.013	1.855.239.260	205.586.110.148
Khấu hao trong năm	5.937.514.857	15.970.858.488	5.010.570.355	2.997.194.888	1.846.875.083	31.763.013.671
Tăng khác	-	-	-	14.761.032	-	14.761.032
Thanh lý, nhượng bán	-	(221.764.290)	-	(422.219.452)	(935.884.401)	(1.579.868.143)
Giảm khác	(1.071.193.450)	(35.172.138)	-	-	-	(1.106.365.588)
Số cuối năm	30.742.898.353	140.395.981.091	46.230.780.253	14.541.761.481	2.766.229.942	234.677.651.120
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	91.810.597.264	64.634.005.389	19.245.279.278	10.301.780.207	5.400.843.978	191.392.506.116
Tại ngày cuối năm	87.915.901.729	64.492.860.300	15.472.547.723	11.296.156.000	2.202.748.561	181.380.214.313

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.843 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 17.056 triệu đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 15.165 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 42.418 triệu đồng) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	273.611.911.433	8.209.814.258	281.821.725.691
Mua sắm mới	9.510.000.216	680.000.000	10.190.000.216
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	788.487.500	788.487.500
Điều chỉnh tăng theo kiểm toán Nhà nước	1.159.112.236	-	1.159.112.236
Giảm khác	-	(55.869.020)	(55.869.020)
Số cuối năm	<u>284.281.023.885</u>	<u>9.622.432.738</u>	<u>293.903.456.623</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	16.437.923.213	2.194.634.074	18.632.557.287
Khấu hao trong năm	<u>9.448.877.203</u>	<u>1.666.595.089</u>	<u>11.115.472.292</u>
Số cuối năm	<u>25.886.800.416</u>	<u>3.861.229.163</u>	<u>29.748.029.579</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>257.173.988.220</u>	<u>6.015.180.184</u>	<u>263.189.168.404</u>
Tại ngày cuối năm	<u>258.394.223.469</u>	<u>5.761.203.575</u>	<u>264.155.427.044</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 39 triệu đồng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm tại Long An	6.106.180.594	10.507.326.219
Hệ thống xử lý nước thải	1.871.038.183	1.871.038.183
Xây dựng cơ bản dở dang khác	<u>2.265.083.174</u>	<u>810.602.032</u>
	<u>10.242.301.951</u>	<u>13.188.966.434</u>

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số lượng cổ phiếu	% Sở hữu	% biểu quyết	Giá gốc VND	Số cuối năm Giá trị hợp lý VND	Số cuối năm Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	<u>591.743</u>	<u>0.19%</u>	<u>0.19%</u>	<u>5.512.670.000</u>	<u>5.325.687.000</u>	<u>(186.983.000)</u>

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản dự phòng	30.493.004.716	32.703.353.501
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các chi phí trích trước	19.682.587.110	-
+ Chi phí kiểm toán	591.000.000	-
+ Chi phí thuê mặt bằng	19.091.587.110	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản chiết khấu trích trước	16.218.286.558	9.419.487.305
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	3.230.664.989	3.290.756.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13.924.908.673	9.082.719.492

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả cho các bên thứ ba	238.746.412.617	238.746.412.617	201.664.087.198	201.664.087.198
Trong đó:				
- Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt	-	-	89.374.867.500	89.374.867.500
- Công ty TNHH MTV XNK Thực phẩm Hạ Long	23.914.810.830	23.914.810.830	473.860.860	473.860.860
- Phải trả các nhà cung cấp khác	214.831.601.787	214.831.601.787	111.815.358.838	111.815.358.838
b. Phải trả cho bên liên quan (xem Thuyết minh số 38)	1.192.082.974	1.192.082.974	60.266.188.948	60.266.188.948
	239.938.495.591	239.938.495.591	261.930.276.146	261.930.276.146

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẪN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí điện, nước, điện thoại	844.244.092	-
Chi phí dịch vụ kiểm toán	591.000.000	455.000.000
Chi phí lãi vay	320.198.108	-
Chi phí thuê container, mặt bằng	375.920.467	-
Chi phí phải trả khác	16.172.546	102.598.287
	2.147.535.213	557.598.287



18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	3.299.128.122	2.418.513.928
Phải trả khác cho bên liên quan (*) (xem Thuyết minh số 38)	20.731.526.153	408.826.807
Chiết khấu bán hàng	16.218.286.558	9.419.487.305
Hỗ trợ bán hàng	12.032.358.709	5.787.449.300
Chi phí vận chuyển	984.638.840	1.026.424.570
Nhận ký cược, ký quỹ	15.729.487.231	10.360.371.538
Lãi vay	-	273.537.818
Phải trả khác	5.284.319.043	8.900.887.740
	74.279.744.656	38.595.499.006

(*) Đây là khoản phải trả tiền thuê mặt bằng 06 tháng cuối năm 2018 của mặt bằng 420 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Tp.HCM (19.091.587.110 đồng), 05 tháng cuối năm của mặt bằng 154 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (72.000.000 đồng) và các khoản phải trả phát sinh trong giai đoạn cổ phần hóa phải chuyển về cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV.

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị VND		Vay VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Giá trị VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	144.160.497.561		523.437.338.528	-	(477.773.697.538)	189.824.138.551	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	58.452.617.634		556.276.478.630	-	(614.729.096.264)	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 20)	4.744.155.428		-	4.744.155.428	(4.744.155.428)	4.744.155.428	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem Thuyết minh số 20)	5.647.058.824		-	7.058.823.528	(12.705.882.352)	-	
	213.004.329.447		1.079.713.817.158	11.802.978.956	(1.109.952.831.582)	194.568.293.979	

(*) Ngày 28 tháng 3 năm 2018, Công ty ký hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 0035/1828/C-KD/01 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 190.000.000.000 đồng cho mục đích tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay này có thời hạn đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2018, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này chịu lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietcombank trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay trong năm nay là 5,2%/năm. Công ty sử dụng một số máy móc, thiết bị để thế chấp cho khoản vay này. Ngày 10 tháng 9 năm 2018, Công ty ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 cho hợp đồng vay này về việc gia hạn thời gian duy trì hạn mức cho vay đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND		Vay VND	Phân loại lại VND	Giá trị VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	15.418.505.140		1.204.162.471	(4.744.155.428)	11.878.512.183	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	7.058.823.528		-	(7.058.823.528)	-	
	22.477.328.668		1.204.162.471	(11.802.978.956)	11.878.512.183	



(*) Tại ngày 27 tháng 02 năm 2017, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 0020/KHDN2/17DH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức là 27.556.200.000 đồng nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ vốn đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có thời hạn là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nợ gốc được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay chịu lãi suất 7,5%/năm đến 9,3%/năm trong năm nay và sẽ được điều chỉnh ba tháng một lần dựa trên thông báo từ Vietcombank, lãi suất cho mỗi lần rút vốn sẽ được thanh toán định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Công ty sử dụng một số máy móc, thiết bị để thế chấp cho khoản vay này như trình bày ở Thuyết minh số 11. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư vay của Công ty là 15.418.505.140 đồng.

Tại ngày 28 tháng 3 năm 2018, Công ty ký hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0035/1828/C-TL với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 33.500.000.000 đồng nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định theo nghị quyết số 3308/NQHĐQT-CTY ngày 17 tháng 8 năm 2017. Khoản vay này có thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu, nợ gốc được thanh toán ba tháng 1 lần. Khoản vay chịu lãi suất 8,2%/năm trong năm nay và được được điều chỉnh 3 tháng 1 lần dựa trên thông báo từ Vietcombank, lãi suất cho mỗi lần rút vốn sẽ được thanh toán định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Công ty sử dụng một số máy móc, thiết bị để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư vay của Công ty là 1.204.162.471 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.744.155.428	10.391.214.252
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	11.878.512.183	22.477.328.668
	16.622.667.611	32.868.542.920
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(4.744.155.428)	(10.391.214.252)
Số phải trả sau 12 tháng	11.878.512.183	22.477.328.668

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng ban điều hành quản lý VND	Tổng VND
Số đầu năm	9.606.230.996	15.211.447.774	192.750.000	25.010.428.770
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 24)	29.345.940.140	15.067.260.171	414.900.000	44.828.100.311
Thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thưởng	-	-	(110.390.300)	(110.390.300)
Sử dụng quỹ	(12.669.836.608)	(27.634.551.015)	(412.509.700)	(40.716.897.323)
Số cuối năm	26.282.334.528	2.644.156.930	84.750.000	29.011.241.458

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân 6 tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 3.

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016, các công ty được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Công ty đã trích quỹ Khoa học và Công nghệ theo tỷ lệ 9,18% của lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2017. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả. Trong năm 2018, Công ty vẫn chưa sử dụng quỹ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	809.143.000.000	-	53.342.175.026	862.485.175.026
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	129.627.915.028	129.627.915.028
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	28.432.888.063	(28.432.888.063)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(23.189.259.920)	(23.189.259.920)
Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế	-	-	(11.800.000.000)	(11.800.000.000)
Số dư đầu năm nay	809.143.000.000	28.432.888.063	119.547.942.071	957.123.830.134
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	138.016.558.032	138.016.558.032
Thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thưởng	-	-	110.390.300	110.390.300
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	19.444.187.254	(19.444.187.254)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh số 21)	-	-	(31.028.100.311)	(31.028.100.311)
Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế	-	-	(13.800.000.000)	(13.800.000.000)
năm 2018 (Thuyết minh số 21)	-	-	(56.640.010.000)	(56.640.010.000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(177.457.965)	(177.457.965)
Lợi nhuận năm 2017 nộp về ngân sách nhà nước	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	809.143.000.000	47.877.075.317	136.585.134.873	993.605.210.190

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 ở mức 7%, tương ứng với số tiền 56.640.010.000 đồng. Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 56.620.165.000 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 19.444.187.254 đồng và 31.028.100.311 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018.

Đồng thời, Công ty đã tạm trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 với số tiền là 13.800.000.000 đồng theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018.



Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 809.143.000.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành và đang lưu hành	80.914.300	809.143.000.000	80.914.300	809.143.000.000

Vốn cổ phần chi tiết theo cổ đông lớn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV	548.298.780.000	67,76	548.298.780.000	67,76
Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc tế (ANCO)	201.800.260.000	24,94	201.800.260.000	24,94
Các cổ đông khác	59.043.960.000	7,3	59.043.960.000	7,3
	809.143.000.000	100	809.143.000.000	100

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	227.356,01	453.798,42
Euro (EUR)	-	793,44

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Khi trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, doanh thu bộ phận dựa vào lĩnh vực kinh doanh là thịt tươi sống, thực phẩm chế biến và lĩnh vực kinh doanh khác.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần		
Thịt tươi sống	2.122.722.314.545	1.868.918.775.643
Thực phẩm chế biến	2.006.579.641.634	1.751.674.324.526
Khác	310.199.462.924	257.513.417.385
	4.439.501.419.103	3.878.106.517.554
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
Thịt tươi sống	1.881.009.476.581	1.456.715.507.887
Thực phẩm chế biến	1.376.772.974.501	1.211.314.310.169
Khác	273.721.930.097	237.910.271.237
	3.531.504.381.179	2.905.940.089.293
Lợi nhuận gộp		
Thịt tươi sống	241.712.837.964	412.203.267.756
Thực phẩm chế biến	629.806.667.133	540.360.014.357
Khác	36.477.532.827	19.603.146.148
	907.997.037.924	972.166.428.261

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	4.460.748.736.545	3.892.519.235.449
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.090.600.230	12.625.420.758
	4.475.839.336.775	3.905.144.656.207
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	35.647.128.478	25.870.673.986
Hàng bán bị trả lại	690.789.194	1.167.464.667
	36.337.917.672	27.038.138.653
Doanh thu thuần	4.439.501.419.103	3.878.106.517.554

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	3.523.541.627.312	2.899.261.493.786
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.962.753.867	6.678.595.507
	3.531.504.381.179	2.905.940.089.293

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.898.064.884.493	2.169.945.377.197
Chi phí nhân công	559.455.249.449	564.837.473.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.878.485.963	41.876.705.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.266.700.003	202.219.540.305
Chi phí khác bằng tiền	242.761.357.100	337.238.571.733
	3.964.426.677.008	3.316.117.667.941

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	22.509.647.211	16.096.159.390
Thu nhập từ cổ tức	-	118.348.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	223.208.453	81.444.199
Doanh thu hoạt động tài chính khác	540.000.000	540.000.000
	23.272.855.664	16.835.952.189

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	14.690.073.077	12.493.808.556
Chiết khấu thanh toán	7.791.919.302	6.591.952.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá	642.286.820	118.836.101
Dự phòng giảm giá chứng khoán	186.983.000	-
	23.311.262.199	19.204.596.720

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	289.279.109.094	274.708.394.385
Chi phí vật liệu, bao bì	31.643.269.767	26.709.253.927
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.645.249.154	13.251.247.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.614.305.109	6.025.956.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.897.506.247	87.687.520.669
- Chi phí vận chuyển	54.575.670.742	40.717.185.856
- Chi phí thuê kho, thuê mặt bằng	25.539.970.186	25.553.025.333
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	20.781.865.319	21.417.309.480
Chi phí bằng tiền khác	70.463.339.131	96.297.108.406
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	36.420.804.036	49.943.958.327
- Chi phí bằng tiền khác	34.042.535.095	46.353.150.079
	511.542.778.502	504.679.481.499
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	71.894.894.970	111.312.575.198
Chi phí vật liệu quản lý	2.591.211.461	2.349.547.041
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.527.224.485	4.861.426.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.236.604.009	11.753.430.397
Thuế, phí và lệ phí	6.818.111.681	5.391.565.291
Chi phí dự phòng	-	(4.759.068)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.385.866.710	42.246.489.998
- Chi phí thuê mặt bằng	30.233.188.488	31.635.786.738
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	8.152.678.222	10.610.703.260
Chi phí khác	84.801.827.993	124.348.031.923
- Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	59.147.775.492	59.147.775.484
- Trích lập quỹ khoa học công nghệ	-	20.000.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	25.654.052.501	45.200.256.439
	223.255.741.309	302.258.307.776

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khuyến mãi, chiết khấu bán hàng	1.498.490.554	1.393.804.859
Thu nhập khác	2.289.217.677	3.223.683.364
	3.787.708.231	4.617.488.223

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản	1.299.221.051	1.159.714.395
Chi phí khác	643.292.595	559.432.189
	1.942.513.646	1.719.146.584

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.830.937.312	44.685.240.974
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	41.820.570.762	43.595.626.251
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước vào chi phí thuế năm nay	10.366.550	1.089.614.723
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(4.842.189.181)	(8.554.819.908)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ	(7.826.307.731)	(9.082.719.492)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.984.118.550	527.899.584
	36.988.748.131	36.130.421.066

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	175.005.306.163	165.758.336.094
Thuế tính ở thuế suất phổ thông 20%	35.001.061.233	33.151.667.219
Điều chỉnh:		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	-	(23.669.720)
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	1.977.320.348	1.912.808.844
<i>Chênh lệch tạm thời</i>	4.842.189.181	8.554.819.908
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.820.570.762	43.595.626.251

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong suốt thời gian hoạt động do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các khoản thuế trình bày trong báo cáo tài chính chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	138.016.558.032	129.627.915.028
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(58.626.624.648)	(42.828.100.311)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (i)	(58.626.624.648)	(42.828.100.311)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	79.389.933.384	86.799.814.717
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.914.300	80.914.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	981	1.073

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được ước tính với tỷ lệ 98% của 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2018 của người lao động theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, và số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính với tỷ lệ 1 tháng lương bình quân thực hiện năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-NQĐHĐCĐ-CTY ngày 11 tháng 4 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

a. Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	74.910.378.887	71.602.053.680

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	9.788.009.760	26.814.500.253
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.629.198.253	11.396.550.535
Sau năm năm	5.904.684.053	3.030.281.004
	35.321.892.066	41.241.331.792

b. Cam kết vốn:

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	1.734.684.176.846	1.736.788.610.060
Đã được duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	3.119.249.848	1.232.687.633
	1.737.803.426.694	1.738.021.297.693

Cam kết vốn cho dự án được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng chủ yếu liên quan tới dự án di dời nhà máy giết mổ và sản xuất Vissan.



38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty chỉ có các giao dịch và có số dư với một bên liên quan là Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - cổ đông lớn nhất của Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
Mua hàng	66.554.475.139	620.511.976.781
Bán hàng	233.331.070.808	188.849.810.568
Chia cổ tức	38.380.914.600	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thù lao	5.137.961.000	4.253.554.825

Số dư với bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	38.189.197.174	15.800.591.610
<i>Trong đó:</i>		
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm điều hành Satrafoods	36.770.574.529	14.158.291.009
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Satra Phạm Hùng	475.424.433	520.374.496
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra Sài Gòn	464.604.956	612.168.833
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Thương Xá Tax	9.355.396	9.162.599
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	338.642.267	443.558.975
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - TT dịch vụ ăn uống Satra	14.292.552	20.087.467
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm quản lí và kinh doanh chợ Bình Điền	19.849.346	36.948.231
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung Thương mại Satra Củ Chi	96.453.695	-
Khách hàng ứng trước		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	-	326.905.705
<i>Trong đó:</i>		
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra Sài Gòn	-	180.423.981
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Satra Phạm Hùng	-	71.200.921
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra Cần Thơ	-	75.280.803
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	1.018.276.863	1.018.276.863

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	1.192.082.974	60.266.188.948
Trong đó:		
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trụ sở chính	33.000.000	57.949.406.854
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Kho lạnh Satra	942.919.907	1.940.089.786
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm phân phối	213.993.269	376.692.308
- Công ty Phát triển kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	2.169.798	-
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	20.731.526.153	408.826.807

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	10.076.966.158	4.125.686.975
Ứng trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	1.338.205.020	1.232.608.515



Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2019



XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



A red circular stamp with the text "M.S.D.N:0300105356-C.T.C.P", "CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴ", and "THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH" around the perimeter. A blue ink signature is written over the stamp.

NGUYỄN NGỌC AN



Sức Sống Mỗi Ngày

“Vì lợi ích cộng đồng, khẩu hiệu “Sức Sống Mỗi Ngày” đã được VISSAN lựa chọn làm tiêu chí hoạt động. Đây là thông điệp, là cam kết của Công ty VISSAN mong muốn thể hiện hết tinh thần trách nhiệm trong từng sản phẩm để mang đến sức khỏe cho cộng đồng, góp phần phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam. Đó là sức sống, khát khao của một tập thể với hơn 45 năm trưởng thành để tạo nên một thương hiệu vươn lên mãnh liệt trong nền hội nhập.



420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



(028) 3553 3999/ 3553 3888



vissanco@vissan.com.vn